TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: **46**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 7 - 2024
V/v ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải, bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lường – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 188/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:* Chị T và anh Đỗ Văn S tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/1997 tại UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh S là người gia trưởng và có quan hệ với người đàn bà khác, thường xuyên nhậu xỉn rồi về đánh đập vợ con. Chị T đã cố gắng nhẫn nhịn, nói chuyện để vợ chồng hòa hợp, chăm lo cho con cái hơn 20 năm nay nhưng không thành, anh S vẫn không thay đổi tính nết, thường xuyên hành hung vợ con, cuộc sống của chị T và các con luôn trong tình trạng lo sợ. Hiện nay chị T thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Đỗ Văn S.

Về con chung: có 03 con chung: Cháu Nguyễn Thị Tố O, sinh ngày 14/8/1998; cháu Nguyễn Thị Tố U, sinh ngày 21/4/2003 và cháu Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 11/10/2015.

Đối với cháu O, U đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu V thì nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn anh Đỗ Văn S: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng nên Tòa án không ghi được lời khai.

Qua biên bản xác minh ngày 26/6/2024 về tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Đỗ Văn S thì Chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng chị T, anh S có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn P, xã E, huyện K. Quá trình sinh sống vợ chồng chị T, anh S thường xuyên xảy ra cãi nhau. Về nguyên nhân, do vợ chồng không báo với chính quyền địa phương để tổ chức hòa giải nên nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì không rõ.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành các quy định của Pháp luật.

- Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Đỗ Văn S. Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Thị Tố O, sinh ngày 14/8/1998; cháu Nguyễn Thị Tố U, sinh ngày 21/4/2003 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 11/10/2015 cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật cần giải quyết: Chị Nguyễn Thị Ánh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Đỗ Văn S có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quan hệ pháp luật cần giải quyết là Ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đỗ Văn S mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T với anh Đỗ Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K vào ngày 23 tháng 12 năm 1997. Hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài gần 20 năm, chị T đã nhẫn nhịn, nhiều lần nói chuyện vợ chồng để cùng chăm sóc con cái nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn. Đối với anh Đỗ Văn S mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. HĐXX xét thấy, tình trạng vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giải quyết cho chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Đỗ Văn S.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Tố O, sinh ngày 14/8/1998; cháu Nguyễn Thị Tố U, sinh ngày 21/4/2003 và cháu Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 11/10/2015.

Đối với cháu Nguyễn Thị Tố O, sinh ngày 14/8/1998; cháu Nguyễn Thị Tố U, sinh ngày 21/4/2003 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 11/10/2015. Chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, HĐXX xét thấy, hiện nay cháu V đang chung sống cùng mẹ và có nguyện vọng sống cùng mẹ, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX cần giao cháu V cho chị Nguyễn Thị Ánh T nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị T đều không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Đỗ Văn S.

2. Về con chung:

Đối với cháu Nguyễn Thị Tố O, sinh ngày 14/8/1998; cháu Nguyễn Thị Tố U, sinh ngày 21/4/2003 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường và tự nuôi sống bản thân, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Giao cháu Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 11/10/2015 cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh Đỗ Văn S được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005764 ngày 16/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

5. Thông báo quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- UBND xã E, huyện K;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đình Nam